

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HS-ST
Ngày: 20-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vũ.

Bà Đỗ Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Thùy Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/HSST-QĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn A (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 31 tháng 01 năm 1972, tại Hà Nội. Nơi cư trú: Phòng 106-D3, phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (Đã chết) và bà Đặng Thị M, sinh năm 1947, có vợ là Triệu Thị Kim L, sinh năm 1964 và có 01 người con, sinh năm 1998; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19/3/2002, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm tù về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài tại Bản án số 168/HS-ST. Ngày 16/8/2002, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài tại Bản án số 590/HS-ST. Tổng hợp hình phạt của cả hai bản án Nguyễn Tuấn A phải chịu hình phạt chung là 09 năm tù. Ngày 28/4/2005, đã chấp hành xong thi hành án phạt tù và toàn bộ bản án. Bị cáo chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2022 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty Cổ phần khoáng sản và xây dựng T.

Địa chỉ trụ sở: Số 63/1 N, N, T, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1974. Địa chỉ: 9-TX3-TT Công ty V, N, T, Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1967. Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Mạnh C, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khối Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Đội 5, N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 26/8/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2010 Nguyễn Tuấn A là giám đốc Công ty cổ phần đầu tư xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nội (gọi tắt là Công ty CPĐT & SX VL XD Hà Nội, bên thuê) và Công ty Cổ phần khoáng sản và xây dựng T (gọi tắt công ty Cổ phần khoáng sản và xây dựng T, bên cho thuê) vào ngày 25/4/2011 tại Hà Nội hai bên đã ký kết hợp đồng Thuê máy số 07/2011/HĐTM về việc thuê máy xúc lật phục vụ thi công. Nội dung bên cho thuê cho bên thuê một máy xúc lật nhãn hiệu Kawasaki dung tích 03m³ để phục vụ tại mỏ đá Q tại địa bàn bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên, thời gian thuê tạm tính là 12 tháng (tính từ thời điểm 02 bên giao nhận máy và có biên bản kèm theo, đơn giá là 20.000.000 đồng/01 tháng (có hợp đồng lập thành văn bản, có xác nhận của hai bên).

Sau đó máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu Kawasaki màu vàng, do Nhật Bản sản xuất số máy H06C TE 30837, số khung 70H2-0171 biển kiểm soát 29LA – 1094 của Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Thành Nam được đưa đến mỏ đá tại địa bàn bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên để sử dụng vào việc khai thác đá. Quá trình thuê máy xúc do làm ăn thua lỗ không có tiền trả nợ tiền công và nhiên liệu. Đến tháng 11/2011 tại nhà ông Lê Mạnh C, địa chỉ khối Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Nguyễn Tuấn A đã tự ý bán chiếc máy xúc đó cho ông Nguyễn Hữu N trú tại bản M, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên với giá 800.000.000 đồng, hai bên có lập văn bản mua bán có sự chứng kiến của ông Lê Mạnh C và bà Phạm Thị Thu H. Ông Nguyễn Hữu N đã giao số tiền 800 triệu đồng cho Nguyễn Tuấn A sau đó ông N đã vận chuyển máy xúc đưa về bãi đá xã S, huyện M, tỉnh Điện Biên để sử dụng vào việc khai thác đá.

Đối với Công ty T sau khi phát hiện chiếc máy xúc đã cho Nguyễn Tuấn A thuê không được Nguyễn Tuấn A sử dụng vào đúng mục đích đã yêu cầu Nguyễn Tuấn A trả máy xúc và thanh toán tiền thuê máy xúc nhưng Nguyễn Tuấn A đã làm cam kết trả máy nhưng không trả được máy vì đã bán máy xúc đó cho ông N và không có khả năng thanh toán.

Ngày 03/5/2012 Công ty T đã làm đơn tố cáo Nguyễn Tuấn A về hành vi chiếm dụng máy xúc của Nguyễn Tuấn A. Quá trình giải quyết vụ án nhằm che

giấu hành vi vi phạm Nguyễn Tuấn A đã tự ý soạn thảo ba hợp đồng liên doanh đề ngày 08/12/2012 nội dung Tuấn Anh đã mang máy xúc góp vốn vào liên doanh với ông Nguyễn Hữu N nhưng thực tế, Tuấn A đã bán chiếc máy đó cho ông nghị giá 800 triệu đồng để chi dùng cá nhân, sau đó Nguyễn Tuấn A bỏ trốn, ngày 25/4/2013 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã ra lệnh truy nã đối với Nguyễn Tuấn A về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, ngày 08/3/2022 Nguyễn Tuấn A bị bắt theo lệnh truy nã.

Đối với chiếc máy xúc ngày 20/12/2012 cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ chiếc máy xúc đó sau đó trao trả lại cho Công ty T.

Tại Bản Kết luận định giá trong tố tụng hình sự số: 127/STC-KLĐG ngày 26/12/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Sở Tài chính tỉnh Điện Biên kết luận: Máy xúc lật bánh lốp; nhãn hiệu KAWASAKI 70ZA; xuất xứ Nhật bản, giá trị còn lại của tài sản tại thời điểm hết tháng 11/2011 chưa có thuế GTGT(đ) là 955.113.636 đồng. giá trị còn lại của tài sản tại thời điểm hết tháng 12/2012 chưa có thuế GTGT(đ) là 815.340.909 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số: 07/CT-VKS-P2 ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố Nguyễn Tuấn A để xét xử về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

- Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 12 (mười hai) đến 13 (mười ba) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Máy xúc lật bánh lốp; nhãn hiệu KAWASAKI 70ZA; xuất xứ Nhật bản đã được Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên trả lại cho chủ sở hữu và Công ty T không yêu cầu gì thêm về phần bồi thường thiệt hại nên không đề cập xử lý trong vụ án này. Đối với số tiền Nguyễn Tuấn A đã bán máy xúc cho ông Nguyễn Hữu N số tiền là 800.000.000 đồng, quá trình điều tra vợ bị cáo đã nộp số tiền là 10.000.000 đồng để trả cho ông N.

Do tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Hữu N không có mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho ông N số tiền 10.000.000 đồng. Đối với số tiền còn lại, áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, tách phần trách nhiệm dân sự còn lại để giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc cáo Nguyễn Tuấn A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên đồng thời không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường cho ông Nguyễn Hữu N số tiền là 10 triệu đồng, số còn lại bị cáo nhất trí trả lại cho ông N, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông N không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tách phần trách nhiệm dân sự còn lại mà bị cáo phải có nghĩa vụ trả cho ông N bằng vụ án dân sự khi ông N có yêu cầu.

Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại là Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng T, không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm và có đơn xin xét xử vắng mặt. Về phần trách nhiệm dân sự, chiếc máy xúc mà bị cáo Nguyễn Tuấn A đã chiếm đoạt hiện đã được trao trả cho Công ty nên Công ty không có yêu cầu gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu N trình bày tại cơ quan điều tra. Vào tháng 11/2011 ông có mua chiếc máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu Kawasaki màu vàng đỏ Nhật Bản sản xuất số máy H06C TE 30837, số khung 70H2-0171, biển kiểm soát 29LA-1094 với Nguyễn Tuấn A giá 800.000.000 đồng việc mua bán diễn ra công khai ông N đã trả tiền và nhận máy xúc, sau này ông mới biết chiếc máy xúc đó là của Công ty T và cũng đã giao chiếc máy xúc cho Cơ quan Điều tra công an tỉnh Điện Biên. Về số tiền 800.000.000 đồng hiện Nguyễn Tuấn A chưa trả lại cho ông N, ông N đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị cáo phải trả lại số tiền đó cho ông N.

Những người làm chứng ông C và bà H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông C và bà H có được chứng kiến việc bị cáo đã bán máy xúc cho ông Nguyễn Hữu N tại khối Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên bà H là người được bị cáo và ông N nhờ soạn thảo hợp đồng mua bán máy xúc, còn hợp đồng liên doanh giữa ông N và Tuấn A là văn bản sau này Tuấn A nhờ ký giúp vào hợp đồng ông C không biết việc có liên doanh giữa ông N và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Tuấn A tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, kết luận định giá trong tố tụng hình sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Bị cáo Nguyễn Tuấn A khai nhận: Do làm ăn thua lỗ không có tiền trả cho công nhân và mua nhiên liệu. Năm 2010 Nguyễn Tuấn A là giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nội (gọi tắt là Công ty CPĐT & SX VL XD Hà Nội, bên thuê) và Công ty Cổ phần khoáng sản và xây dựng T (gọi tắt Công ty Cổ phần khoáng sản và xây dựng T, bên cho thuê) vào ngày 25/4/2011 tại Hà Nội, hai bên đã ký kết hợp đồng Thuê máy số 07/2011/HĐTM về việc thuê máy xúc lật phục vụ thi công. Nội dung bên cho thuê cho bên thuê một máy xúc lật nhãn hiệu Kawasaki dung tích 03m³ để phục vụ tại mỏ đá Q tại địa bàn bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên, thời gian thuê tạm tính là 12 tháng (tính từ thời điểm 02 bên giao nhận máy và có biên bản kèm theo, đơn giá là 20.000.000 đồng/01 tháng (có hợp đồng lập thành văn bản, có xác nhận của hai bên).

Sau đó máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu Kawasaki màu vàng, do Nhật bản sản xuất số máy H06C TE 30837, số khung 70H2-0171 biển kiểm soát 29LA-1094 của Công ty Cổ phần khoáng sản và xây dựng T được đưa đến mỏ đá tại địa bàn bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên để sử dụng vào việc khai thác đá. Quá trình thuê máy xúc do làm ăn thua lỗ không có tiền trả nợ tiền công và nhiên liệu. Đến tháng 11/2011 tại nhà ông Lê Mạnh C, địa chỉ khối Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên, Nguyễn Tuấn A đã tự ý bán chiếc máy xúc đó cho ông Nguyễn Hữu N trú tại bản M, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên với giá 800.000.000 đồng, hai bên có lập văn bản mua bán có sự chứng kiến của ông Lê Mạnh C và bà Phạm Thị Thu H. Ông Nguyễn Hữu N đã giao số tiền 800 triệu đồng cho Nguyễn Tuấn A sau đó ông Nghi đã vận chuyển máy xúc đưa về bãi đá xã S, huyện M, tỉnh Điện Biên để sử dụng vào việc khai thác đá. Toàn bộ số tiền bán máy xúc Nguyễn Tuấn A đã chi dùng cá nhân nên không có tiền hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu N và trả lại máy xúc đó cho Công ty T. Chiếc máy xúc đó được định giá trị vào năm 2011 có giá trị là 955.113.636 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản và trật tự an toàn xã hội, đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Do đó, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận hành vi đó của bị cáo Nguyễn Tuấn A đã vào phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015 đã được sửa đổi bổ sung theo Luật số 12/2017/QH14 nay áp dụng Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Nguyễn Tuấn A đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trị giá 955.113.636 đồng của bị hại. Hành vi đó của bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Gia đình bị cáo có bố mẹ đẻ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba và bị hại cũng có văn bản đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Tự nguyện bồi thường thiệt hại” và “Thành khẩn khai báo” quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân, năm 2002 bị cáo Nguyễn Tuấn A đã bị xét xử về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài và đã có thời gian dài chấp hành án trại giam, nhưng bị cáo vẫn cố tình phạm tội. Để nghiêm trị những hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để lấy đây làm bài học cảnh báo chung cho toàn xã hội, phục vụ cho công tác đấu tranh, ngăn ngừa các loại tội phạm trong tình hình hiện nay. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về phần hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận và quyết định cho phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự: “5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”.

Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có tài sản gì giá trị, không có thu nhập thường xuyên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra tỉnh Điện Biên đã cử ông Hoàng Tiến N, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên là người tham gia bào chữa cho bị cáo. Ngày 29/3/2022 bị cáo từ chối người bào chữa và

tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo sẽ tự mình bào chữa cho hành vi phạm tội. Căn cứ theo quy định tại Điều 72, 75, 76, 77 và Điều 178 Bộ luật Tố tụng hình sự, việc từ chối người bào chữa do Cơ quan điều tra chỉ định bào chữa cho bị cáo là tự nguyện, do đó cần chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Chiếc máy xúc của Công ty Thành Nam trị giá tại thời điểm năm 2011 có trị giá 955.113.636 đồng hiện đã được trả cho bị hại, bị hại cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền bị cáo đã bán máy xúc cho ông Nguyễn Hữu N được 800.000.000 đồng. Hiện gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp để bồi thường cho ông Nghị số tiền là 10.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông N yêu cầu bị cáo phải hoàn trả toàn bộ số tiền 800 triệu đồng và không yêu cầu gì thêm. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông N không có mặt tại phiên tòa, bị cáo và Kiểm sát viên đề nghị tách phần còn lại để giải quyết bằng vụ án dân sự.

Căn cứ theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử cần xem xét ghi nhận phần tự nguyện đã bồi thường 10.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Tuấn A cho ông Nguyễn Hữu N, phần còn lại cần tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Tuấn A phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 12 (mười hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/3/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ghi nhận phần tự nguyện đã bồi thường 10.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Tuấn A cho ông Nguyễn Hữu N theo Biên lai số 0000082 ngày

09/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Phần còn lại sẽ được tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Tuấn A phải chịu **200.000** đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2022).

Bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo Nguyễn Tuấn A;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Ủy ban nhân dân phường K, quận T, thành phố Hà Nội (Thông báo);
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(*Đã ký*)

Nguyễn Trọng Đoàn